BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

XD3102 15X

X6

MÔN HỌC: TT ĐỊA CHẤT CT/ THỰC HÀNH ĐỊA KĨ THUẬT - LỚP HỌC PHẦN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
PHÒNG THANH TRA - KHẢO THÍ & ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Học kỳ:1 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1551030282	Vũ Trung Anh	4/5/1996	2015X4	10	10			
2	1551030385	Trương Tuấn Anh	11/27/1997	2015X4	9	9			
3	1551030296	Cao Quang Anh	11/3/1997	2015X6	9	9			
4	1551030421	Nguyễn Tuấn Anh	1/24/1996	2015X6	10	10			
5	1551030131	Nguyễn Văn Bảo	7/4/1997	2015X6	10	10			
6	1551030063	Nguyễn Văn Chung	8/28/1997	2015X6	10	10			
7	1551030234	Phạm Bá Cường	2/20/1997	2015X6	9	9			
8	1551030173	Lê Văn Cường	10/14/1996	2015X4	9	9			
9	1551030475	Phan Quốc Cường	1/17/1997	2015X9	10	10			
10	1551030157	Lê Tuấn Đạt	4/11/1997	2015X7	9	9			
11	1551030160	Trần Quang Đạt	3/27/1997	2015X8	9	9			
12	1551030269	Trần Hữu Đạt	9/2/1997	2015X6	10	10			
13	1551030017	Nguyễn Mạnh Đức	11/5/1997	2015X6	9	9			
14	1551030166	Ngô Văn Đức	6/20/1996	2015X8	10	10			
15	1551030032	Trần Xuân Dương	3/28/1997	2015X8	9	9			
16	1551030484	Trịnh Đức Duy	8/30/1996	2015X6	10	10			
17	1551030042	Đồng Khánh Duy	12/12/1997	2015X6	10	10			
18	1551030224	Nguyễn Trung Hạnh	9/18/1996	2015X6	9	9			
19	1551030462	Chu Trọng Hiếu	10/5/1997	2015X6	9	9			
20	1551030161	Nguyễn Văn Hiếu	12/4/1997	2015X9	10	10			
21	1551030130	Ngô Thiện Hoàng	10/5/1997	2015X8	9	9			
22	1551030495	Lê Đoan Hoàng	3/14/1997	2015X6	9	9			
23	1551030414	Nguyễn Mạnh Hùng	2/4/1997	2015X2	10	10			
24	1551030329	Đàm Huy Hùng	4/1/1997	2015X8	9	9			
25	1551030432	Hoàng Thành Hưng	12/31/1997	2015X8	9	9			
26	1551030239	Đinh Tiến Hưng	7/30/1997	2015X6	9	9			
27	1551030472	Nguyễn Xuân Huy	9/20/1997	2015X8	10	10			
28	1551030370	Nguyễn Quang Huy	11/28/1997	2015X6	10	10			
29	1551030141	Dương Trọng Huyên	4/11/1997	2015X1	10	10			
30	1551030212	Đỗ Quang Khải	5/31/1997	2015X1	9	9			
31	1551030083	Nguyễn Viết Khánh	12/20/1996	2015X3	9	9			
32	1551030293	Thẩm Lưu Đăng Khoa	11/21/1996	2015X6	9	9			
33	1551030114	Đỗ Văn Kiên	11/4/1997	2015X8	10	10			
34	1551030133	Trần Mai Hoài Linh	4/20/1997	2015X8	10	10			
35	1551030121	Vũ Hải Linh	3/4/1997	2015X7	10	10			
36	1551030028	Lê Thị Thùy Linh	5/19/1997	2015X6	10	10			
37	1551030210	Đặng Vũ Lực	2/24/1997	2015X6	10	10			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
38	1551030106	Nguyễn Văn Mạnh	10/15/1997	2015X6	10	10			
39	1551030364	Đặng Quang Mạnh	9/4/1995	2015X8	9	9			
40	1551030053	Lê Công Minh	8/29/1996	2015X8	9	9			
41	1451031010	Nguyễn Quang Minh	12/28/1995	2014X6	9	9			
42	1551030486	Nguyễn Chí Minh	12/22/1997	2015X1	9	9			
43	1551030180	Nguyễn Văn Nam	4/4/1997	2015X3	9	9			
44	1551030318	Nguyễn Văn Nam	10/6/1997	2015X6	9	9			
45	1551030375	Phan Đình Phong	7/18/1997	2015X6	9	9			
46	1551030403	Phạm Hồng Quân	11/2/1997	2015X5	9	9			
47	1551030502	Nguyễn Hoàng Sơn	8/15/1996	2015X2	9	9			
48	1551031005	Nguyễn Hoài Sơn	1/28/1996	2015X5	10	10			
49	1551030266	Nguyễn Duy Tân	10/9/1997	2015X2	10	10			
50	1551030203	Lê Phong Thái	7/22/1997	2015X6	10	10			
51	1551030435	Đào Đăng Thắng	6/15/1997	2015X6	10	10			
52	1551030067	Nguyễn Viết Thành	7/20/1997	2015X6	10	10			
53	1551030174	Lê Đức Thành	5/21/1997	2015X8	10	10			
54	1551030286	Nguyễn Văn Thế	2/8/1997	2015X9	10	10			
55	1551030202	Lục Văn Thiện	9/28/1997	2015X6	10	10			
56	1551030339	Vũ Văn Thưởng	7/12/1997	2015X5	10	10			
57	1551030427	Phạm Thế Tiệm	6/29/1997	2015X2	10	10			
58	1551030275	Phạm Minh Tuấn	4/17/1997	2015X9	10	10			
59	1551030220	Bùi Quang Việt	10/31/1997	2015X6	10	10			

Hà Nội,, Ngày 23 tháng 3 năm

CÁN BỘ CHẤM THI 2 CÁN BỘ CHẤM THI 1

Nguyễn Thành An

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC
PHÒNG THANH TRA - KHẢO & ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

X8

BẢNG ĐIỂM

MÔN HỌC: TT ĐỊA CHẤT CT/ THỰC HÀNH ĐỊA KĨ THUẬT - LỚP HỌC PHẦN:

Học kỳ:1 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1551030436	Nguyễn Khắc Bằng	12/19/1997	2015X8	10	10			
2	1551030016	Hoàng Minh Châu	9/11/1997	2015X8	10	10			
3	1551030408	Đinh Văn Huy	4/2/1996	2015X7	10	10			
4	1551030448	Đỗ Đăng Khoa	3/23/1997	2015X8	10	10			
5	1551030006	Nguyễn Thanh Lâm	10/21/1997	2015X8	10	10			
6	1551030305	Đinh Xuân Long	12/16/1997	2015X5	10	10			
7	1551030194	Dương Văn Minh	1/16/1997	2015X1	10	9			
8	1451030226	Nguyễn Tuấn Nghĩa	1/26/1996	2014X5	10	8			
9	1551030243	Trịnh Đức Quang	8/12/1995	2015X1	10	10			
10	1551030035	Lê Anh Quang	11/28/1997	2015X8	10	10			
11	1551030461	Phạm Thanh Tâm	4/8/1996	2015X1	10	10			
12	1551030184	Nguyễn Văn Thanh	1/1/1997	2015X1	10	9			
13	1551030415	Trần Văn Tiến	8/6/1997	2015X1	10	10			
14	1551030476	Vũ Đức Toàn	11/20/1997	2015X5	10	10			
15	1551030211	Hoàng Hữu Tư	9/30/1997	2015X9	10	10			
16	1551030349	Bùi Thế Việt	7/11/1997	2015X8	10	10			

Hà Nội,, Ngày 9 tháng 1 năm 2017

CÁN BỘ CHẤM THI 2

Hoàng Thị Bích Hằng

Nguyễn Mạnh An

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Nguyễn Hoài Nam

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ N
PHÒNG THANH TRA - KHẢO TH
& ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM

MÔN HỌC: TT ĐỊA CHẤT CT/ THỰC HÀNH ĐỊA KĨ THUẬT - LỚP HỌC PHẦN

Học kỳ:1 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1551030379	Vũ Tuấn Anh	9/20/1997	2015X3	10	10			
2	1551030248	Nguyễn Tuấn Anh	10/8/1997	2015X1	10	7			
3	1551030183	Lê Tuấn Anh	1/7/1997	2015X7	10	8			
4	1551030424	Lê Việt Anh	10/30/1997	2015X7	10	9			
5	1551030351	Trần Việt Anh	8/30/1996	2015X8	10	10			
6	1551030087	Nguyễn Xuân Bằng	7/15/1997	2015X7	10	10			
7	1551031006	Ly A Câu	7/20/1996	2015X6	10	10			
8	1551030244	Nguyễn Duy Chiêu	11/10/1991	2015X7	10	10			
9	1551030426	Hồ Minh Chính	4/8/1997	2015X1	10	10			
10	1551030338	Trần Ngọc Chung	12/29/1997	2015X7	10	9			
11	1551030383	Giản Viết Cường	1/5/1996	2015X7	10	9			
12	1551030355	Cao Ngọc Đại	5/3/1997	2015X4	10	9			
13	1551030169	Trần Hải Đăng	4/11/1997	2015X7	10	8			
14	1551030020	Trần Minh Đức	11/30/1996	2015X7	10	10			
15	1551030418	Hà Mạnh Đức	11/9/1997	2015X7	10	10			
16	1551030316	Trần Việt Dũng	5/12/1997	2015X7	10	10			
17	1551030500	Chu Đức Dương	4/15/1997	2015X7	10	7			
18	1551030043	Nguyễn Văn Duy	1/13/1995	2015X7	10	8			
19	1551030104	Nguyễn Đình Hải	2/25/1997	2016X7	10	9			
20	1551030119	Nguyễn Doãn Hiếu	1/25/1997	2015X7	10	9			
21	1551030018	Nguyễn Đức Hùng	9/25/1996	2015X4	10	10			
22	1551030313	Phạm Văn Hưng	8/1/1997	2015X7	10	10			
23	1551030148	Nguyễn Văn Huy	8/29/1997	2015X9	10	10			
24	1551030378	Tào Văn Khang	6/10/1997	2015X4	10	10			
25	1551030365	Đỗ Đăng Khoa	3/4/1997	2015X7	10	9			
26	1551030103	Hoàng Trung Kiên	11/30/1997	2015X7	10	9			
27	1551030066	Dương Văn Ký	8/25/1997	2015X5	10	9			
28	1551030490	Đinh Văn Long	7/5/1997	2015X6	10	10			
29	1551030356	Nguyễn Anh Minh	7/3/1997	2015X6	10	8			
30	1551030228	Nguyễn Ngọc Nam	1/16/1992	2015X4	10	9			
31	1551030107	Chử Hữu Nghĩa	3/10/1997	2015X5	10	9			
32	1551030348	Phan Sỹ Nhật	8/15/1997	2015X7	10	10			
33	1551030396	Văn Đức Nhật	5/19/1997	2015X8	10	10			
34	1551030428	Nguyễn Lâm Oanh	12/25/1997	2015X4	10	10			
35	1551030240	Nguyễn Tất Phương	3/16/1988	2015X8	10	9			
36	1551030361	Trần Quốc Bảo Quân	9/16/1997	2015X4	10	9			
37	1551030014	Nguyễn Văn Quang	4/26/1996	2015X7	10	9			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
38	1551030387	Nguyễn Công Sơn	10/31/1997	2015X7	10	9			
39	1551031001	Chảo Láo Sử	8/7/1996	2015X1	10	9			
40	1551030483	Nguyễn Quốc Sự	2/14/1997	2015X7	10	9			
41	1551030453	Đào Văn Tài	10/19/1996	2015X7	10	10			
42	1551030492	Nguyễn Văn Thắng	1/20/1997	2015X7	10	7			
43	1551030151	Tạ Duy Thành	3/13/1996	2015X7	10	8			
44	1551030469	Bùi Quang Thành	9/24/1997	2015X4	10	9			
45	1551030242	Đỗ Tiến Thành	3/6/1997	2015X2	10	10			
46	1551030008	Nguyễn Xuân Thường	6/24/1997	2015X4	10	10			
47	1551030314	Trần Mạnh Tiến	9/25/1997	2015X7	10	10			
48	1551030267	Lê Minh Tuấn	5/20/1997	2015X7	10	9			
49	1551030058	Vũ Hoàng Tuyên	4/4/1997	2015X2	10	9			
50	1551030518	Ngô Chính Vương	3/10/1997	2015X7	10	9			
51	1551030450	Nguyễn Việt ý	8/24/1997	2015X5	10	9			

Hà Nội,, Ngày 9 tháng 1 năm 2017

CÁN BỘ CHẤM THI 2

Hoàng Thị Bích Hằng

Nguyễn Mạnh An

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Nguyễn Hoài Nam

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ...
PHÒNG THANH TRA, KHẢO T...
& ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM

MÔN HỌC: TT ĐỊA CHẤT CT/ THỰC HÀNH ĐỊA KĨ THUẬT HỌC PHẦN

Học kỳ:1 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1551030294	Doãn Việt Anh	2/21/1997	2015X5	10	9			
2	1551030214	Hà Công Thế Anh	5/27/1996	2015X9	10	9			
3	1551030352	Nguyễn Tùng Anh	3/7/1997	2015X9	10	10			
4	1551030283	Nguyễn Văn Châu	3/26/1997	2015X9	10	10			
5	1551030168	Ngô Xuân Đạt	11/14/1996	2015X9	10	9			
6	1551030311	Nguyễn Văn Đạt	8/3/1997	2015X9	10	9			
7	1551030177	Bùi Anh Đức	8/27/1997	2015X9	10	9			
8	1551030444	Lê Huỳnh Đức	9/2/1997	2015X9	10	8			
9	1551030003	Vũ Tiến Dũng	5/25/1997	2015X1	10	9			
10	1551030037	Nguyễn Tùng Dương	2/13/1997	2015X9	10	10			
11	1551030200	Phạm Văn Duy	11/7/1997	2015X2	10	10			
12	1551030117	Vũ Sỹ Duy	10/24/1997	2015X9	10	10			
13	1551030209	Vũ Quang Hiệp	5/3/1997	2015X2	10	9			
14	1551030263	Bùi Thái Hoàng	5/14/1996	2015X4	10	8			
15	1551030143	Nguyễn Công Huy Hoàng	4/30/1997	2015X9	10	8			
16	1551030491	Vũ Lê Huy	2/22/1997	2015X9	10	10			
17	1551030501	Trần Trọng Khôi	3/10/1997	2015X9	10	10			
18	1551030290	Lê Văn Kiên	6/28/1997	2015X9	10	10			
19	1551030071	Nguyễn Chung Kiên	9/27/1997	2015X6	10	10			
20	1551030237	Lê Mạnh Lâm	7/10/1996	2015X9	10	10			
21	1551030278	Nguyễn Tùng Linh	3/21/1997	2015X9	10	9			
22	1551030040	Nguyễn Hữu Nhật	2/19/1997	2015X6	10	8			
23	1551030164	Hà Tiến Quân	7/13/1997	2015X2	10	9			
24	1551030015	Dương Hồng Quân	4/24/1997	2015X8	10	10			
25	1551030050	Lê Đình Quân	11/16/1997	2015X9	10	10			
26	1551030464	Bùi Minh Quang	7/20/1997	2015X6	10	9			
27	1551030216	Hoàng Minh Quang	8/27/1997	2015X9	10	8			
28	1551030410	Nguyễn Ngọc Sơn	8/8/1997	2015X9	10	10			
29	1551030036	Phan Văn Sơn	9/13/1996	2015X9	10	10			
30	1551030179	Trần Minh Tâm	11/27/1997	2015X9	10	10			
31	1551030335	Nguyễn Ngọc Thái	10/9/1997	2015X9	10	9			
32	1551030041	Hoàng Thuận	11/4/1997	2015X9	10	10			
33	1551030412	Ngô Quang Tiến	5/19/1997	2015X9	10	10			
34	1551030477	Phùng Đức Toàn	3/8/1997	2015X6	10	8			
35	1551030146	Nguyễn Thành Trung	11/6/1997	2015X9	10	9			
36	1551030506	Nguyễn Bảo Trung	10/10/1997	2015X9	10	10			
37	1551030033	Vũ Anh Tuân	5/26/1997	2015X5	10	9			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
38	1551030372	Đỗ Anh Tuấn	8/29/1997	2015X5	10	10			
39	1551030323	Phan Bùi Tuấn	1/20/1997	2015X3	10	10			
40	1551030013	Nguyễn Văn Anh Tuấn	7/15/1997	2015X9	10	10			

Hà Nội,, Ngày 9 tháng 1 năm 2017

CÁN BỘ CHẤM THI 2

Hoàng Thị Bích Hằng

Nguyễn Thanh An

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Nguyễn Hoài Nam

Đỗ Minh Tuấn

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC
PHÒNG THANH TRA - KHẢO & ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM

MÔN HỌC: TT ĐỊA CHẤT CT/ THỰC HÀNH ĐỊA KĨ THUẬT LỚP HỌC PHẦN: XS

Học kỳ:1 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1551030088	Nguyễn Trọng Hoàng Anh	9/2/1997	2015X5	10	10			
2	1551030409	Nguyễn Hoàng Anh	4/4/1997	2015X5	10	10			
3	1551030167	Lê Tuấn Anh	1/13/1997	2015X6	10	8			
4	1551030442	Phùng Nhật Anh	11/28/1997	2015X8	10	10			
5	1551030221	Bùi Ngọc ánh	7/8/1997	2015X4	10	10			
6	1551030303	Nguyễn Văn Ba	3/13/1997	2015X4	10	10			
7	1551030038	Đậu Thái Anh Bảo	5/15/1997	2015X5	10	10			
8	1551030407	Trần ái Bình	4/4/1997	2015X4	10	10			
9	1551030467	Đỗ Ngọc Chiến	6/22/1997	2015X5	10	10			
10	1551031002	Sùng A Cùa	11/4/1992	2015X2	10	10			
11	1551030227	Phùng Văn Cường	1/17/1997	2015X5	10	8			
12	1551030443	Hoàng Văn Đại	12/28/1997	2015X5	10	10			
13	1551030147	Nguyễn Văn Đăng	12/25/1997	2015X6	10	8			
14	1551030284	Nguyễn Văn Đạt	7/12/1997	2015X7	10	9			
15	1551030391	Nguyễn Đức Độ	2/7/1997	2015X5	10	10			
16	1551030341	Đinh Văn Đoàn	5/13/1997	2015X5	10	6			
17	1551030317	Bùi Văn Dung	2/2/1996	2015X4	10	9			
18	1551030079	Đoàn Việt Dũng	1/21/1997	2015X4	10	10			
19	1551030445	Nguyễn Văn Dương	12/26/1997	2015X4	10	10			
20	1551030253	Đinh Văn Dương	8/5/1997	2015X1	10	10			
21	1551030458	Nguyễn Văn Dương	9/3/1997	2015X5	10	8			
22	1551030181	Lê Khương Duy	2/3/1997	2015X1	10	10			
23	1551030031	Hoàng Khánh Duy	8/9/1997	2015X5	10	9			
24	1551030139	Nguyễn Bá Giang	3/12/1997	2015X5	10	9			
25	1551030398	Đoàn Ngọc Hạ	2/29/1996	2015X5	10	10			
26	1551030094	Phạm Văn Hải	4/24/1995	2015X5	10	9			
27	1451030109	Hoàng Khắc Hân	3/11/1995	2014X6	10	10			
28	1551030152	Phạm Văn Hiến	8/8/1997	2015X5	10	10			
29	1451030400	Nguyễn Văn Hoàn	11/1/1996	2015X7	10	10			
30	1451030401	Lê Văn Hồng	4/18/1995	2014X1	10	10			
31	1551030404	Cao Mạnh Hùng	10/23/1997	2015X1	10	8			
32	1551030334	Nguyễn Văn Huy	7/8/1997	2015X5	10	10			
33	1551030095	Vũ Ninh Khánh	11/19/1997	2015X4	10	10			
34	1551030048	Trần Văn Khoa	9/14/1997	2015X5	10	8			
35	1551030052	Hoàng Trung Kiên	6/23/1997	2015X5	10	9			
36	1551030175	Đào Xuân Lộc	1/1/1997	2015X4	10	10			
37	1551030085	Nguyễn Tiến Mạnh	4/26/1996	2015X5	10	10			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
38	1551030368	Lê Hữu Minh	12/2/1996	2015X8	10	10			
39	1551030360	Nguyễn Hữu Thành Nam	8/6/1997	2015X8	10	10			
40	1551030512	Trần Viết Nam	8/6/1996	2015X4	10	10			
41	1451030215	Giang Quốc Nam	4/7/1996	2014X5	10	10			
42	1551030256	Đinh Tú Nam	5/6/1997	2015X5	10	10			
43	1551030291	Đinh Minh Ngọc	3/9/1997	2015X4	10	10			
44	1551030051	Nguyễn Đức Phi	9/10/1997	2015X5	10	10			
45	1551030108	Lê Phi Phụng	12/17/1997	2015X6	10	8			
46	1551030254	Nguyễn Hoàng Quang	6/23/1995	2015X2	10	9			
47	1551030102	Nguyễn Văn Sửu	7/4/1997	2015X5	10	10			
48	1551030513	Nguyễn Việt Thắng	5/14/1997	2015X8	10	10			
49	1551030080	Đàm Thu Thảo	1/17/1997	2015X5	10	10			
50	1551030129	Hoàng Văn Thiện	5/1/1996	2015X5	10	10			
51	1551030081	Lê Xuân Toàn	3/13/1996	2015X4	10	5			
52	1551030344	Nguyễn Văn Quang Trung	5/11/1997	2015X5	10	10			
53	1551030498	Vũ Xuân Trường	10/19/1997	2015X5	10	9			
54	1551030190	TrầN nam Tú	11/14/1997	2015X8	10	9			
55	1551030009	Trần Anh Tú	8/14/1997	2015X6	10	10			
56	1551030273	Nguyễn Minh Tuấn	1/5/1997	2015X8	10	10			
57	1551030186	Đỗ Trung Tuấn	5/15/1997	2015X5	10	10			
58	1551030447	Nguyễn Văn Tùng	2/23/1997	2015X5	10	9			
59	1551030089	Phạm Thế Vinh	10/13/1997	2015X5	10	9			
60	1551030024	Nguyễn Quốc Vương	1/28/1997	2015X4	10	10			

Hà Nội,, Ngày 9 tháng 1 năm 2017

CÁN BỘ CHẤM THI 2

Hoàng Thị Bích Hằng

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Nguyễn Hoài Nam

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC H
PHÒNG THANH TRA, KHẢO T
& ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

XD3102
X4

BẢNG ĐIỂM

MÔN HỌC: TT ĐỊA CHẤT CT/ THỰC HÀNH ĐỊA KĨ THUẬT CT

Học kỳ:1 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1551030255	Bùi Minh Anh	10/17/1997	2015X2	10	10			
2	1551030371	Tạ Đức Anh	9/11/1997	2015X2	10	9			
3	1551030142	Bùi Văn Bến	6/20/1997	2015X9	10	10			
4	1551030001	Võ Minh Chiến	7/11/1997	2015X8	10	10			
5	1551030192	Lê Minh Chiến	6/26/1997	2015X2	10	10			
6	1551030182	Nguyễn Xuân Chiến	1/28/1997	2015X1	10	7			
7	1551030012	Vương Khả Đại	7/14/1997	2015X2	10	8			
8	1551030357	Nguyễn Bá Đạt	1/27/1997	2015X1	10	10			
9	1551030222	Nguyễn Thành Đạt	5/27/1997	2015X4	10	10			
10	1551030046	Hoàng Thế Đoàn	2/20/1997	2015X4	10	9			
11	1551030196	Lê Minh Đức	1/18/1997	2015X1	10	10			
12	1551030215	Nguyễn Văn Đức	8/23/1995	2015X3	10	10			
13	1551030201	Trần Ngọc Đức	1/20/1997	2015X2	10	8			
14	1551030299	Quách Văn Dũng	11/4/1997	2015X6	10	10			
15	1551030158	Ngô Văn Hải	5/25/1997	2015X9	10	8			
16	1551030021	Phạm Mạnh Hải	7/26/1997	2015X4	10	8			
17	1451030119	Nguyễn Văn Hào	2/5/1995	2014X1	10	8			
18	1551030422	Đặng Quốc Hiệp	8/21/1997	2015X4	10	10			
19	1551030514	Đặng Văn Hiệp	3/10/1995	2015X5	10	10			
20	1551030471	Nguyễn Trung Hiếu	1/22/1996	2015X7	10	7			
21	1551030153	Nguyễn Ngọc Hiếu	9/7/1997	2015X1	10	9			
22	1551030072	Hoàng Minh Hiếu	12/28/1997	2015X4	10	10			
23	1551030135	Nguyễn Văn Hội	2/5/1997	2015X2	10	10			
24	1551030456	Lê Đăng Hợp	11/29/1997	2015X3	10	9			
25	1551030122	Hắc Ngọc Hưng	3/22/1996	2015X5	10	9			
26	1551030251	Phan Phúc Khải	3/6/1997	2015X2	10	7			
27	1551030333	Lê Trung Kiên	11/21/1997	2015X1	10	7			
28	1551030005	Trần Văn Kỳ	8/10/1997	2015X4	10	10			
29	1551030340	Nguyễn Duy Linh	5/5/1997	2015X1	10	10			
30	1551030090	Nguyễn Văn Long	4/19/1997	2015X4	10	10			
31	1551031004	Bùi Thị Lý Mai	10/11/1996	2015X4	10	7			
32	1551030223	Nguyễn Quang Minh	7/9/1997	2015X2	10	8			
33	1551030246	Trịnh Bình Minh	8/4/1997	2015X4	10	8			
34	1551030077	Vũ Đức Nguyên	11/10/1997	2015X8	10	9			
35	1551030382	Nguyễn Văn Phúc	2/20/1997	2015X4	10	10			
36	1551030343	Nguyễn Mạnh Quang	1/28/1997	2015X4	10	10			
37	1551030508	Nguyễn Hữu Minh Sáng	11/3/1997	2015X4	10	8			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
38	1551030337	Vũ Văn Sơn	4/9/1997	2015X5	10	8			
39	1551030394	Nguyễn Hồng Sơn	9/18/1997	2015X8	10	9			
40	1551030112	Nguyễn Trọng Sơn	3/29/1997	2015X2	10	9			
41	1551030264	Nguyễn Đình Sơn	6/28/1997	2015X4	10	9			
42	1551030245	Đoàn Ngọc Sỹ	3/13/1997	2015X8	10	10			
43	1551030189	Vũ Đức Tài	1/27/1996	2015X4	10	10			
44	1551030258	Nguyễn Đức Thái	4/11/1997	2015X8	10	10			
45	1551030326	Nguyễn Đức Thắng	9/8/1997	2015X4	10	10			
46	1551030488	Nguyễn Văn Thiết	12/24/1997	2015X4	10	10			
47	1551030213	Phạm Hoàng Thiệu	8/1/1997	2015X7	10	7			
48	1551030207	Nguyễn Văn Thuần	3/25/1996	2015X8	10	9			
49	1551030056	Phạm Ngọc Toàn	2/2/1997	2015X3	10	8			
50	1551030292	Nguyễn Minh Trí	7/7/1997	2015X8	10	10			
51	1551030332	Dương Văn Trung	3/29/1997	2015X4	10	10			
52	1551030455	Trịnh Văn Trường	2/10/1997	2015X4	10	9			
53	1551030310	Phạm Bá Tuân	7/26/1997	2015X8	10	9			
54	1551030145	Nguyễn Anh Tuấn	3/8/1997	2015X4	10	9			
55	1551030082	Hoàng Anh Tuấn	12/5/1996	2015X2	10	9			
56	1551030252	Phạm Thanh Tùng	1/19/1997	2015X4	10	10			
57	1551030034	Lương Anh Văn	12/3/1997	2015X4	10	10			
58	1551030149	Bùi Viết Vũ	11/20/1996	2015X2	10	7			
59	1551030011	Nguyễn Đức Vương	6/30/1996	2015X3	10	8			
60	1551030261	Vũ Ngọc Vương	12/30/1997	2015X6	10	10			

Hà Nội,, Ngày 9 tháng 1 năm 2017

CÁN BỘ CHẤM THI 2

Hoàng Thị Bích Hằng

Nguyễn Minh An

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Trần Thường Sơn

Đỗ Văn Tiến

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC
PHÒNG THANH TRA - KH
& ĐẢM BẢO CHẤT

BẢNG ĐIỂM

MÔN HỌC: TT ĐỊA CHẤT CT/ THỰC HÀNH ĐỊA KĨ THUẬT - LỚP HỌC PHẦN

Học kỳ:1 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1551030199	Vũ Trường An	9/8/1997	2015X1	10	9			
2	1551030026	Trần Tiến Anh	7/22/1997	2015X3	10	9			
3	1551030276	Hoàng Việt Anh	9/9/1997	2015X3	10	10			
4	1551030517	Đinh Tuấn Anh	11/25/1997	2015X3	10	10			
5	1551030204	Lê Quang Anh	4/30/1997	2015X8	10	10			
6	1551030374	Nguyễn Thanh Bình	3/31/1997	2015X3	10	9			
7	1551030257	Đào Xuân Chiến	11/5/1997	2015X3	10	10			
8	1451030039	Nguyễn Văn Cung	9/30/1996	2014X3	10	10			
9	1551030388	Nguyễn Việt Cường	2/26/1997	2015X8	10	10			
10	1551030298	Bùi Tiến Đạt	1/28/1996	2015X8	10	10			
11	1551030217	Bùi Văn Đạt	6/7/1997	2015X3	10	10			
12	1551030236	Bùi Văn Điệp	6/13/1997	2015X3	10	10			
13	1551030440	Phạm Công Định	12/22/1997	2015X4	10	9			
14	1551030325	Dương Thế Định	7/14/1995	2015X3	10	10			
15	1551030061	Nguyễn Thế Dũng	2/25/1997	2015X3	10	10			
16	1551030401	Kim Anh Dũng	10/23/1997	2015X8	10	9			
17	1551030324	Nguyễn Tùng Dương	1/4/1997	2015X3	10	6			
18	1551030271	Vũ Ngọc Duy	2/3/1997	2015X3	10	10			
19	1551030411	Nguyễn Văn Giang	3/10/1997	2015X7	10	10			
20	1551030425	Lương Hữu Hào	9/4/1997	2015X2	10	10			
21	1551030197	Lê Quang Hiển	8/4/1995	2015X3	10	10			
22	1551030392	Lê Ngọc Hiệp	10/28/1997	2015X3	10	8			
23	1551030277	Trịnh Hoàng Hiếu	3/29/1997	2015X2	10	10			
24	1551030295	Nguyễn Minh Hiếu	7/2/1995	2015X3	10	7			
25	1551030045	Hoàng Quang Hóa	10/9/1997	2015X9	10	10			
26	1551030172	Hồ Văn Hoàng	12/10/1997	2015X3	10	10			
27	1551030073	Trịnh Đình Huấn	11/19/1997	2015X3	10	10			
28	1551030446	Trương Mạnh Hùng	7/26/1996	2015X3	10	7			
29	1551030270	Đào Tiến Huy	8/28/1997	2015X3	10	8			
30	1551030494	Ngô Văn Kiên	9/28/1997	2015X2	10	8			
31	1451030210	Lê Đức Mạnh	10/5/1996	2014X3	10	10			
32	1551030125	Lê Đình Nam	2/9/1997	2015X2	10	10			
33	1551030481	Tăng Như Nam	12/23/1997	2015X2	10	5			
34	1551030377	Nguyễn Hoàng Nam	8/23/1997	2015X9	10	10			
35	1551030384	Nguyễn Phú Ninh	12/25/1997	2015X2	10	10			
36	1551030515	Trần Văn Ninh	5/26/1991	2015X3	10	9			
37	1551030499	Phạm Xuân Phú	5/25/1997	2015X2	10	10			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
38	1551030140	Dương Hồng Phúc	9/12/1997	2015X3	10	10			
39	1551030308	Đinh Hồng Quân	9/16/1997	2015X3	10	8			
40	1551030285	Nguyễn Mạnh Quang	1/26/1997	2015X3	10	8			
41	1551030373	Phạm Minh Sáng	1/14/1997	2015X3	10	8			
42	1551030241	Nguyễn Trung Sơn	10/5/1997	2015X3	10	9			
43	1551030359	Lương Thanh Sơn	8/20/1997	2015X6	10	10			
44	1551030429	Nguyễn Như Thăng	7/30/1997	2015X2	10	10			
45	1551030413	Nguyễn Tất Thắng	10/31/1997	2015X5	10	10			
46	1551030405	Vũ Xuân Thanh	8/12/1996	2015X3	10	8			
47	1551030431	Nguyễn Khắc Thành	3/19/1997	2015X3	10	10			
48	1551030098	Tống Đức Thịnh	11/14/1997	2015X3	10	10			
49	1451030289	Bùi Quang Thịnh	10/13/1996	2014X3	10	10			
50	1551030138	Nguyễn Văn Thông	11/26/1997	2015X3	10	9			
51	1551030027	Nguyễn Đình Tiến	2/26/1996	2015X5	10	9			
52	1551030128	Hoàng Đức Trí	7/25/1997	2015X7	10	10			
53	1551030342	Hoàng Đình Trí	3/24/1997	2015X9	10	10			
54	1551030272	Nguyễn Quốc Trung	11/22/1997	2015X3	10	10			
55	1551030235	Vũ Mạnh Trường	6/9/1997	2015X2	10	10			
56	1551030238	Nguyễn Anh Tú	1/16/1997	2015X9	10	10			
57	1551030010	Đào Hữu Tựa	9/21/1997	2015X3	10	10			
58	1551030154	Vũ Trọng Tuân	8/6/1997	2015X6	10	9			
59	1551030510	Nguyễn Mạnh Tuấn	6/15/1997	2015X7	10	10			
60	1551030105	Hoàng Văn Tuấn	7/5/1997	2015X3	10	9			
61	1551030232	Nguyễn Trọng Tùng	3/13/1997	2015X3	10	10			
62	1551030075	Đặng Thanh Tùng	11/1/1997	2015X9	10	10			
63	1551030300	Mai Thế Văn	12/5/1997	2015X2	10	8			
64	1551030247	Vũ Đức Việt	9/27/1997	2015X7	10	10			
65	1551030126	Phạm Quyền Vương	11/2/1997	2015X5	10	10			
66	1551030134	Nguyễn Thị Thanh Xuân	5/3/1997	2015X3	10	10			

Hà Nội,, Ngày 9 tháng 1 năm 2017

CÁN BỘ CHẤM THI 2

Hoàng Thị Bích Hằng

Nguyễn Thanh An

CÁN BỘ CHẤM THI 1

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XD3102

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ N
PHÒNG THANH TRA - KHẢO TH
& ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
X2

BẢNG ĐIỂM

MÔN HỌC: TT ĐỊA CHẤT CT/ THỰC HÀNH ĐỊA KĨ THUẬT LỚP HỌC PHẦN:

Học kỳ:1 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1551030433	Lê Hồng An	9/11/1997	2015X2	10	7			
2	1551030101	Quách Hiếu Bình	9/22/1997	2015X2	10	10			
3	1551030030	Nguyễn Hồng Cư	9/20/1997	2015X2	10	10			
4	1551032004	Dương Tiến Đạt	8/19/1996	2015X1	10	9			
5	1551030188	Nguyễn Hữu Đạt	5/4/1996	2015X2	10	7			
6	1551030430	Doãn Tiến Đạt	6/21/1997	2015X2	10	7			
7	1551030115	Nguyễn Doãn Đạt	6/8/1997	2015X6	10	8			
8	1551030362	Đặng Đình Đức	3/26/1997	2015X6	10	10			
9	1551030336	Phạm Văn Đức	7/9/1997	2015X5	10	10			
10	1551030466	Hà Minh Đức	12/22/1997	2015X1	10	9			
11	1551030496	Trần Trung Dũng	9/29/1997	2015X2	10	7			
12	1551030060	Đỗ Việt Dũng	1/23/1997	2015X2	10	9			
13	1551030516	Trần Nhật Dũng	3/16/1997	2015X2	10	8			
14	1551030092	Đoàn Văn Dũng	6/20/1997	2015X5	10	9			
15	1551030452	Nguyễn Văn Dũng	3/19/1997	2015X9	10	10			
16	1551030116	Tạ Đình Hải	5/3/1997	2015X8	10	10			
17	1551030100	Nguyễn Hoàng Hải	10/1/1997	2015X6	10	7			
18	1551030309	Vũ Minh Hải	5/29/1997	2015X2	10	7			
19	1551030441	Quách Thị Thu Hiền	7/27/1997	2015X2	10	9			
20	1551030159	Nguyễn Khắc Hiếu	10/17/1997	2015X8	10	10			
21	1551030482	Nguyễn Minh Hiếu	10/8/1997	2015X8	10	10			
22	1551030260	Bùi Thái Hòa	2/15/1997	2015X7	10	10			
23	1551030493	Trần Huy Hoàng	3/15/1997	2015X5	10	10			
24	1551030165	Nguyễn Minh Huân	9/6/1997	2015X2	10	7			
25	1551030093	Phạm Thế Hùng	11/14/1997	2015X5	10	8			
26	1551030206	Nguyễn Văn Huy	1/2/1997	2015X2	10	7			
27	1551030019	Dương Quốc Huy	7/31/1997	2015X7	10	10			
28	1551030367	Cao Xuân Linh	6/26/1997	2015X2	10	10			
29	1551030312	Dương Công Lợi	12/15/1997	2015X5	10	9			
30	1551030463	Hoàng Thế Luân	10/8/1997	2015X7	10	9			
31	1551030419	Phan Đăng Lưu	9/1/1996	2015X2	10	9			
32	1551030225	Phạm Văn Minh	6/19/1996	2015X3	10	10			
33	1551030358	Nguyễn Đỗ Nhật Minh	2/7/1996	2015X7	10	10			
34	1551030478	Bùi Phương Nam	11/4/1997	2015X1	10	10			
35	1551030178	Tào Minh Ngọc	1/15/1997	2015X2	10	10			
36	1551030460	Phạm Thanh Phong	12/9/1997	2015X7	10	9			
37	1551030423	Lâm Hoàng Phúc	2/22/1997	2015X5	10	10			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
38	1551030123	Nguyễn Hồng Quân	5/19/1997	2015X1	10	10			
39	1551030345	Nguyễn Minh Quang	9/3/1997	2015X5	10	10			
40	1551030124	Hồ Sỹ Kiến Quốc	5/6/1997	2015X6	10	10			
41	1551030086	Nguyễn Anh Quyn	4/17/1997	2015X7	10	10			
42	1551030163	Vũ Văn Quỳnh	12/17/1997	2015X7	10	9			
43	1551030438	Trần Văn Tài	9/6/1997	2015X6	10	8			
44	1551030029	Nguyễn Văn Tài	2/21/1997	2015X3	10	8			
45	1551030229	Đỗ Văn Thái	6/16/1997	2015X7	10	8			
46	1551030127	Dương Mạnh Thắng	6/10/1997	2015X2	10	10			
47	1551030268	Nguyễn Năng Thanh	7/23/1997	2015X2	10	8			
48	1551030091	Trần Văn Thịnh	2/21/1997	2015X2	10	10			
49	1551030156	Dương Đức Toản	9/29/1997	2015X7	10	10			
50	1551030397	Lê Văn Tráng	8/5/1996	2015X6	10	10			
51	1551030113	Nguyễn Văn Triệu	3/25/1997	2015X8	10	10			
52	1551030504	Đỗ Khắc Trung	9/23/1997	2015X8	10	10			
53	1551030219	Đường Quang Trung	2/19/1997	2015X2	10	9			
54	1551030150	Lại Xuân Trường	8/28/1995	2015X1	10	9			
55	1551030406	Bùi Thanh Tú	11/18/1996	2015X2	10	10			
56	1551030162	Bùi Kim Tuân	3/30/1997	2015X7	10	8			
57	1551030402	Tống Văn Tuấn	4/9/1997	2015X6	10	10			
58	1551030099	Trần Tài Tuệ	10/22/1997	2015X8	10	10			
59	1551030136	Phạm Văn Tùng	3/8/1997	2015X2	10	7			
60	1551030457	Nguyễn Vũ Vượng	1/27/1996	2015X8	10	8			

Hà Nội,, Ngày 9 tháng 1 năm 2017

CÁN BỘ CHẤM THI 2

Hoàng Thị Bích Hằng

Nguyễn Thành An

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Thân Thương Bắc

Đỗ Khắc Tuệ

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
PHÒNG THANH TRA - KHẢO THÍ & ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM

MÔN HỌC: TT ĐỊA CHẤT CT/ THỰC HÀNH ĐỊA KĨ THUẬT - LỚP HỌC PHẦN

Học kỳ:1 Năm học: 2016-2017

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
1	1551030474	Mai Ngọc Anh	9/15/1997	2015X1	10	10			
2	1551030470	Vũ Đông Anh	11/20/1995	2015X9	10	10			
3	1551030078	Bạch Thanh Bình	2/14/1997	2015X1	10	10			
4	1551030393	Bùi Chiến	2/3/1995	2015X4	10	9			
5	1551030509	Nguyễn Mạnh Cường	3/30/1997	2015X1	10	8			
6	1551030054	Trần Duy Đông	6/29/1996	2015X8	10	10			
7	1551030170	Lê Văn Đông	12/15/1996	2015X9	10	9			
8	1551030320	Nguyễn Huy Đức	10/4/1997	2015X4	10	10			
9	1551030002	Phạm Đức Dũng	6/2/1997	2015X9	10	10			
10	1551030023	Nguyễn Bình Dương	1/10/1997	2015X7	10	8			
11	1551030497	Vũ ánh Dương	3/15/1997	2015X6	10	8			
12	1551030353	Đinh Tiến Duy	3/14/1997	2015X5	10	9			
13	1551030111	Nguyễn Ngọc Lâm Duy	3/18/1997	2015X8	10	10			
14	1551030389	Nguyễn Hữu Giang	10/4/1997	2015X6	10	10			
15	1551030055	Hà Trường Giang	11/26/1997	2015X2	10	10			
16	1551030064	Vũ Văn Giang	6/10/1996	2015X3	10	9			
17	1551030473	Lê Minh Hà	6/1/1997	2015X1	10	10			
18	1551030287	Lê Thị Hải	9/24/1997	2015X1	10	10			
19	1551030070	Nguyễn Thị Hiền	3/10/1997	2015X1	10	9			
20	1551030507	Nguyễn Quang Hiếu	10/27/1997	2015X1	10	9			
21	1551030022	Bùi Trung Hiếu	5/1/1997	2015X1	10	10			
22	1551030386	Nguyễn Thế Hiếu	11/4/1997	2015X4	10	10			
23	1551030505	Nguyễn Ngọc Hiếu	8/31/1997	2015X9	10	10			
24	1551030074	Trần Văn Hoà	10/5/1996	2015X6	10	8			
25	1551030155	Đặng Xuân Hoàng	12/30/1996	2015X1	10	9			
26	1551030306	Nguyễn Thái Học	4/19/1997	2015X1	10	10			
27	1551030465	Nguyễn Vũ Mạnh Hưng	7/1/1996	2015X9	10	10			
28	1551030288	Trương Vũ Huy	9/17/1997	2015X4	10	10			
29	1551030044	Nguyễn Hoàng Lý	11/6/1997	2015X7	10	8			
30	1551030281	Hoàng Tiến Mạnh	6/14/1997	2015X7	10	9			
31	1551030025	Đỗ Văn Mạnh	3/2/1997	2015X4	10	10			
32	1551030059	Phạm Tuấn Minh	6/25/1997	2015X9	10	10			
33	1551030376	Nguyễn Tuấn Minh	9/20/1997	2015X9	10	10			
34	1551030346	Nguyễn Thành Nam	2/8/1997	2015X7	10	8			
35	1551030096	Đặng Phương Nam	1/3/1997	2015X1	10	8			
36	1551030144	Phạm Trung Nghĩa	10/2/1997	2015X6	10	9			
37	1551030280	Trần Văn Nghĩa	7/18/1997	2015X7	10	9			

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm QT	Điểm thi	TBC MH	Điểm chữ	Ghi chú
38	1551030062	Lê Đình Ngọc	6/28/1997	2015X1	10	10			
39	1551030289	Nguyễn Đình Nguyên	8/19/1995	2015X9	10	9			
40	1551030328	Phạm Văn Ninh	9/4/1997	2015X1	10	9			
41	1551030381	Trịnh Công Phú	11/20/1997	2015X1	10	9			
42	1551030380	Dương Công Phước	12/5/1996	2015X9	10	9			
43	1551030068	Ngô Quý Sơn	8/10/1997	2015X1	10	10			
44	1551030449	Nguyễn Ngọc Sơn	3/19/1997	2015X1	10	8			
45	1551030205	Vũ Văn Sự	8/29/1997	2015X6	10	9			
46	1551030274	Hoàng Đức Tài	4/10/1996	2015X5	10	10			
47	1551030118	Phạm Thị Thắm	12/2/1996	2015X1	10	10			
48	1551030319	Lê Đức Thắng	12/10/1996	2015X3	10	10			
49	1551030233	Đào Quyết Thành	7/25/1997	2015X1	10	10			
50	1551030049	Nguyễn Thế Thịnh	11/7/1997	2015X1	10	9			
51	1551030195	Mạc Đức Thuận	12/16/1996	2015X1	10	8			
52	1551030226	Đinh Quang Tiến	2/17/1997	2015X6	10	10			
53	1551030330	Nguyễn Ngọc Tiến	9/12/1994	2015X8	10	10			
54	1551030208	Nguyễn Việt Trung	4/5/1997	2015X1	10	10			
55	1551030327	Nguyễn Anh Tú	11/12/1997	2015X1	10	9			
56	1551030366	Trần Anh Tuấn	9/9/1997	2015X4	10	9			
57	1551030065	Trần Quốc Tuấn	8/14/1994	2015X1	10	9			
58	1551030304	Hồ Đình Tuấn	9/12/1997	2015X1	10	10			
59	1551030097	Nguyễn Duy Tùng	11/15/1997	2015X1	10	10			
60	1551030198	Đới ích Vĩ	8/25/1996	2015X9	10	10			
61	1551032002	Đinh Quốc Việt	10/11/1996	2015X8	10	10			
62	1551030459	Nguyễn Quốc Việt	11/30/1997	2015X9	10	9			
63	1551030480	Trịnh Anh Việt	7/23/1997	2015X1	10	10			
64	1551030057	Nguyễn Quý Vĩnh	3/27/1997	2015X1	10	10			

Hà Nội,, Ngày 9 tháng 1 năm 2017

CÁN BỘ CHẤM THI 2

Hoàng Thị Bích Hằng

Nguyễn Thanh An

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Trần Thanh Bình